



SÔNG ĐÀ 11

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 545 867 Fax: 0433 542 280

=====

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
QUÝ II & LŨY KẾ 30/06/2016

HÀ NỘI THÁNG 07 NĂM 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		527.296.212.742	458.895.261.283
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.837.696.950	170.531.208.177
1	Tiền	111		14.837.696.950	90.531.208.177
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	80.000.000.000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.591.264.365	11.517.908.365
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	14.476.266.000	17.749.000.000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1.885.001.635)	(6.231.091.635)
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		407.955.207.222	229.763.064.583
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	362.338.550.541	204.240.667.161
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.420.707.243	20.429.423.074
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		11.000.000.000	14.012.000.000
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	40.963.680.614	15.571.598.330
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(22.767.731.176)	(24.490.623.982)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		90.945.501.667	46.316.274.123
1	Hàng tồn kho	141	V.7	90.945.501.667	46.316.274.123
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		966.542.538	766.806.035
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	141.094.194	227.319.961
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		825.448.344	539.486.074
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		-	-
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	-	277.391.530.781	286.247.308.548
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		14.598.299.652	20.565.229.577
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	14.505.652.154	19.294.461.680

2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		92.647.498	1.270.767.897
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		88.754.653.609	95.573.717.780
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	88.268.033.609	95.087.097.780
	- Nguyên giá	222		178.188.723.507	180.263.987.602
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(89.920.689.898)	(85.176.889.822)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	486.620.000	486.620.000
	- Nguyên giá	228		486.620.000	486.620.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	171.171.950
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	171.171.950
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		173.995.445.710	169.777.174.950
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	191.496.994.720	178.196.994.720
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(17.501.549.010)	(8.419.819.770)
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		43.131.810	160.014.291
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	43.131.810	160.014.291
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268	V.18	-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		-	-

	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		804.687.743.523	745.142.569.831
TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		512.434.755.281	442.271.264.005
I	Nợ ngắn hạn	310		450.703.782.168	383.030.960.333
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	211.384.845.743	113.858.468.120
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	64.615.316.658	60.577.966.360
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	5.530.280.589	26.665.590.651
4	Phải trả người lao động	314		19.510.944.191	15.345.760.881
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.23	57.616.195.370	11.076.422.491
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.23	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.24	30.427.370.808	53.879.166.110
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		52.303.197.166	88.785.167.694
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.367.550.389	11.951.469.996
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.948.081.254	890.948.030
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		61.730.973.113	59.240.303.672
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	11.158.695.249	18.907.698.712
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
4	Phải trả nội bộ dài hạn	334	V.28	-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		202.250.000	202.250.000
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	500.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		9.262.744.784	9.262.744.784
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		40.607.283.080	30.367.610.176
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		292.252.988.242	302.871.305.826
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	292.252.988.242	302.871.305.826
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000

	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		34.366.527.623	34.366.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		127.652.984.979	67.247.066.956
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.702.425.640	85.726.661.247
	- Lợi nhuận năm trước	421a		-	85.726.661.247
	- Lợi nhuận năm nay	421b		14.702.425.640	
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		804.687.743.523	745.142.569.831

Lập biểu

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng *Trần Văn Ngự*

Trần Văn Ngự

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ
Quý II & lũy kế năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2016	QUÝ II/2015	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2016	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	267.658.761.171	229.780.240.375	478.284.713.114	431.722.883.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		267.658.761.171	229.780.240.375	478.284.713.114	431.722.883.893
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	261.633.140.665	204.617.651.804	452.641.314.609	388.604.450.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.025.620.506	25.162.588.571	25.643.398.505	43.118.433.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.467.474.078	14.616.108.547	19.286.341.716	15.011.086.467
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.277.464.725	-584.557.864	12.821.613.683	15.279.588.300
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>			1.243.480.075	1.640.061.375	2.583.852.854	2.644.545.095
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	9.839.666.730	16.561.062.456	18.659.907.224	10.356.304.549
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.375.963.129	23.802.192.526	13.448.219.314	32.493.627.085
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.964.171.001	885.894.925	2.101.766.455	891.875.170
12. Chi phí khác	32	VI.7	532.811.802	642.103.533	847.560.129	911.734.208
13. Lợi nhuận khác	40		1.431.359.199	243.791.392	1.254.206.326	-19.859.038
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.807.322.328	24.045.983.918	14.702.425.640	32.473.768.047
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	0	1.102.570.367	0	1.944.285.366
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.21	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.807.322.328	22.943.413.551	14.702.425.640	30.529.482.681
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8				
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11



KẾ TOÁN TRƯỞNG *Amel*

Trần Văn Ngư

LẬP BIỂU

Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Lưu chuyển tiền tệ
Lũy kế đến 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế đến 30/06/2016	Lũy kế đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	372.804.110.571	360.262.972.676
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-434.155.883.160	-116.573.636.120
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-25.064.785.294	-400.830.541
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-2.564.340.443	-2.675.453.155
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-14.408.486.252	-6.603.603.949
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	19.286.341.716	168.921.714.712
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-17.452.932.410	-367.472.722.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-101.555.975.272	35.458.440.758
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-466.410.427	-5.241.392.300
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-13.300.000.000	-8.714.300.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.070.826.300	14.630.061.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.304.415.873	674.369.368
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	61.503.197.166	22.002.192.359
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-97.985.167.694	-63.927.745.713
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-21.959.981.300	-11.210.167.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-58.441.951.828	-53.135.720.604
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-155.693.511.227	-17.002.910.478
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	170.531.208.177	47.370.856.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.837.696.950	30.367.946.189

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng *stunva*



Trần Văn Ngự



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyên công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	58,20%	65,28%	70%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,1%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Sơn La	Tiểu khu 6, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.5	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7	Thôn Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam	Lô 74-76C, KP3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Nhà Máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Theo trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho quý tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.123 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.419 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và cơ quan Công ty. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Chi phí sản xuất kinh doanh cuối năm được xác định cho từng công trình như sau:

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh cuối năm} = \text{Chi phí sản xuất kinh doanh đầu năm} + \text{Chi phí sản xuất kinh doanh trong năm} - \text{Giá vốn hàng bán trong năm}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong năm} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong năm}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối năm} - \text{Thu nhập chịu thuế tính trước} - \text{Các khoản phụ phí (nếu có)} - \text{Chi phí quản lý ước tính} - \text{Lãi vay ước tính (nếu có)}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác đá bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động khai thác đá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 2,5% - 5% trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên tỷ lệ giữ lại bảo hành theo điều khoản hợp đồng xây dựng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

22. Công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.185.616.550	1.113.832.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.652.080.400	89.417.375.931
Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000
<i>Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>14.837.696.950</u>	<u>170.531.208.177</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu	14.476.266.000	12.555.324.365	(1.920.941.635)	17.749.000.000	11.517.908.365	(6.231.091.635)
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà				10.000.000.000	5.600.000.000	(4.400.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	5.952.000.000	5.684.298.365	(267.701.635)	5.952.000.000	5.684.298.365	(267.701.635)
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	179.700.000	(1.617.300.000)	1.797.000.000	233.610.000	(1.563.390.000)
Ngân hàng TMCP Quân Đội	6.727.266.000	6.818.175.000				
Cộng	<u>14.476.266.000</u>	<u>12.682.173.365</u>	<u>(1.885.001.635)</u>	<u>17.749.000.000</u>	<u>11.517.908.365</u>	<u>(6.231.091.635)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(6.231.091.635)	(570.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(53.910.000)	(3.758.350.000)
Hoàn nhập dự phòng	4.400.000.000	
Số cuối năm	<u>(1.885.001.635)</u>	<u>(4.328.350.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long ⁽ⁱ⁾	180.696.994.720	(15.879.272.010)	90.443.672.230	178.196.994.720		73.002.465.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông ⁽ⁱⁱ⁾	47.381.773.480			47.381.773.480		
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	36.170.000.000		27.174.869.230	22.870.000.000		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà ^(iv)	35.594.689.000	(8.419.819.770)	27.174.869.230	35.594.689.000	(8.419.819.770)	
Cộng	191.496.994.720	(17.501.549.010)	90.443.672.230	178.196.994.720	(8.419.819.770)	73.002.465.000

(i) Trong năm 2013, Công ty hoàn thành sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và tổ chức lại thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013. Vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long là 70 tỷ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500378582, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 04 tháng 9 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 42.000.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc quý tài chính, Công ty nắm giữ 3.492.000 cổ phiếu, tương đương 83,14% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 7.080.000.000 VND tương đương với 708.000 cổ phiếu.

(iii) Trong năm 2015, Công ty đã mua 3.548.576 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn với giá mua là 35.594.689.000 VND. Tại ngày kết thúc quý tài chính, Công ty nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương đương 56,71% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iv) Trong năm 2015, Công ty đã mua 5.407.590 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ với giá mua là 72.350.532.240 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm 2015. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(8.419.819.770)	
Trích lập dự phòng bổ sung	(9.081.729.240)	(8.419.819.770)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	<u>(17.501.549.010)</u>	<u>(8.419.819.770)</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long		
Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán vật tư, thu phí tiếp địa	3.652.652.380	7.169.741.711
Doanh thu cước vận chuyên	(304.327.818)	304.327.818
Thu phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	309.072.771	579.110.956
Giao dịch mua hàng		
Chi phí xây lắp hoàn thành	74.086.644.948	98.044.353.449
Giao dịch khác		
Cổ tức được chia	16.886.679.000	14.451.776.705
Mua TSCĐ của Sông Đà 11 Thăng Long		
Doanh thu bán thanh lý tài sản cố định		
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông (To Buông)		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng		4.179.777.683
Trả tiền gốc vay	4.000.000.000	
Góp vốn điều lệ	13.300.000.000	
Lãi vay phải trả To Buông		312.000.000
Doanh thu khối lượng xây lắp	7.268.219.241	56.676.427.637
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn (Bát Đại Sơn)		
Chuyển công nợ phải thu thành vốn góp tại Bát Đại Sơn		20.000.000.000
Thanh toán khối lượng xây lắp	974.493.507	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trả thay công nợ cho Sông Đà 11</i>	660.000.000	
Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa (Đăk Đoa)		
Cho Đăk Đoa vay		14.012.000.000
Lãi vay phải thu Đăk Đoa	414.511.844	194.202.400
Trả nợ vay ngắn hạn	3.012.000.000	
3. Phải thu của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>155.507.537.645</i>	<i>47.207.649.199</i>
Tổng Công ty Sông Đà	141.517.130.116	34.060.087.129
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	54.560.000	54.560.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	10.036.582.643	7.551.677.019
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	1.000.000.000	2.634.493.507
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk đoa	608.714.244	194.202.400
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	50.668.981	50.668.981
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	26.318.219	342.191.931
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	4.269.940	4.269.940
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.654.184	20.242.990
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	119.726.586	209.596.355
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	87.826.656	87.826.656
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	58.823.129	131.260.145
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	161.730.572	118.217.792
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	95.078.406	123.237.580
Công ty Cổ phần Someco	207.405.000	105.281.701
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Someco		44.786.104
Cty tư vấn XD Sông Đà Ucrin	3.347.563	3.347.563
Công ty Cổ phần ĐT& XD Sông Đà 9	68.297.726	68.297.726
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	77.218.680	77.218.680
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>206.831.012.896</i>	<i>157.033.017.972</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	15.816.292.794	53.506.104.041
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	8.490.767.731	13.670.493.840
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	7.962.104.077	11.047.417.236
Công ty Cổ phần Cơ khí thiết bị điện Hà Nội	14.596.707.858	14.596.707.858
BQL Dự án lưới điện Thành phố Hồ Chí Minh	3.258.569	4.575.823.089
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	-	6.155.390.904
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7	8.036.051.748	7.135.804.784
BQL Dự án Nhiệt điện I	-	
Phải thu khách hàng khác	151.925.830.119	46.345.276.220
Cộng	<u>362.338.550.541</u>	<u>204.240.667.171</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>14.505.652.154</i>	
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Bắc	6.998.653.102	6.944.510.305
Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	2.776.376.341	2.534.141.687
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đrinh	4.730.622.712	4.730.622.712
Công ty CP Thủy điện Hòa na		2.023.920.140
Phải thu khách hàng khác		3.061.266.836
Cộng	<u>14.505.652.154</u>	<u>19.294.461.680</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>2.278.897.251</i>	<i>3.573.263.042</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	2.278.897.251	3.573.263.042
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>14.141.809.992</i>	<i>16.856.160.032</i>
Công ty Cấp điện lực Kevin Việt Nam	-	7.224.376.237
Công ty Giải pháp Năng lượng Việt	-	4.291.977.431
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	-	-
Công ty TNHH MTV Hùng Việt Phát Na	1.910.508.447	-
Các nhà cung cấp khác	12.231.301.545	5.339.806.364
Cộng	<u>16.420.707.243</u>	<u>20.429.423.074</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là các khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa (là bên liên quan) vay với lãi suất theo lãi suất vay vốn ngắn hạn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây, thời hạn vay không quá 12 tháng.

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>40.963.680.614</i>			
Ký cược, ký quỹ	101.041.890		48.500.000	
Tạm ứng	20.307.709.292		8.476.679.434	
Phải thu của CBCNV	1.188.671.303		1.621.963.078	
Phải thu các đội công trình	483.138.639		101.264.642	
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000		695.750.000	
Tiền thuê đất được giảm	-			
Tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	-		1.793.291.869	
Các khoản chi hộ nhà thầu phụ	13.046.134.439			
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	462.945.992		565.763.980	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.678.289.059		2.268.385.327	
Cộng	<u>40.963.680.614</u>		<u>15.571.598.330</u>	

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<i>1.606.576.370</i>			<i>1.906.576.370</i>	<i>462.702.178</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn - Tiên khối lượng xây lắp	Từ 2 đến 3 năm			Từ 2 đến 3 năm	1.542.340.593	462.702.178
Tổng Công ty Sông Đà - Tiên nước	Trên 3 năm	364.235.777	-	Trên 3 năm	364.235.777	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>			<i>2.212.568.074</i>		<i>25.898.953.432</i>	<i>2.852.203.642</i>
Công ty Cổ phần Cơ khí và thiết bị điện Hà Nội - Tiên khối lượng xây lắp	Trên 3 năm	28.730.353.240	2.123.758.135	Trên 3 năm	12.156.428.764	-
Các tổ chức và cá nhân khác		1.897.671.718	88.809.939		13.742.524.668	2.852.203.642
Cộng		30.992.260.735	2.212.568.074		27.805.529.802	3.314.905.820

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu và cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	24.490.623.982		24.490.623.982
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng	(1.722.892.806)		(1.722.892.806)
Số cuối năm	22.767.731.176	-	22.767.731.176

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.886.973.596	5.426.484.644
Công cụ, dụng cụ	968.664.915	184.634.124
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.089.863.156	40.705.155.355
Cộng	90.945.501.667	46.316.274.123

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	43.131.810	160.014.291

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

			<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bóc phủ mỏ đá						
Cộng			43.131.810			160.014.291
10. Tài sản cố định hữu hình						
	<u>Nhà cửa vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền đẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>	
Nguyên giá						
Số đầu năm	79.625.169.708	77.797.544.230	22.292.852.755	548.420.909	180.263.987.602	
Mua trong năm	-					
Thanh lý, nhượng bán	-		(2.075.264.095)		(2.075.264.095)	
Số cuối năm	79.625.169.708	77.797.544.230	20.217.588.660	548.420.909	178.188.723.507	
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.956.007	8.028.959.487	8.998.425.477	471.693.636	17.913.034.607	
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	27.280.359.617	38.396.575.910	18.988.838.989	511.115.306	85.176.889.822	
Khấu hao trong năm	1.275.971.796	3.934.088.122	1.261.498.972	13.166.664	6.484.725.554	
Thanh lý, nhượng bán	-		(1.740.925.478)			
Số cuối năm	28.556.331.413	42.330.664.032	18.509.412.483	524.281.970	89.920.689.898	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	52.344.810.091	39.400.968.320	3.304.013.766	37.305.603	95.087.097.780	
Số cuối năm	51.068.838.295	35.466.880.198	1.708.176.177	21.138.939	88.268.033.609	
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 50.616.138.090 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay trung và dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Lợi thế kinh doanh</u>	<u>Thương hiệu Sông Đà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	486.620.000	-	-	486.620.000
Giảm trong năm				

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Lợi thế kinh doanh	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Số cuối năm	486.620.000	-	-	486.620.000
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm				
Khấu hao trong năm				
Giảm trong năm				
Số cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	486.620.000	-	-	486.620.000
Số cuối năm	486.620.000	-	-	486.620.000

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-				-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	171.171.950			171.171.950	
Cộng	171.171.950			171.171.950	

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	96.923.597.783	56.604.558.884
Tổng Công ty Sông Đà	8.807.449	335.085.416
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	47.839.174.634	36.386.738.905
Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông	228.372.500	228.372.500
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	44.274.325.979	15.052.744.388
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	8.472.109	8.472.109
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	8.167.500	47.508.259
Công ty cổ phần Sông Đà 3	4.411.611.606	3.542.814.629
Công ty CP Sông Đà 12	144.666.006	1.002.822.678
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	114.461.247.960	57.253.909.236
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka	21.312.890.443	13.668.826.003
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	6.893.809.132	8.368.145.018
Công ty TNHH MTV Xây dựng Trần Hưng Phát	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nghĩa Tân	-	900.144.756

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn & Cơ khí Bình Dương	3.415.909.566	
Các nhà cung cấp khác	82.838.638.819	34.316.793.459
Cộng	<u>211.384.845.743</u>	<u>113.858.468.120</u>

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.437.026.243</i>	<i>1.967.146.200</i>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11-Thăng Long	1.437.026.243	1.967.146.200
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>9.721.669.006</i>	<i>16.940.552.512</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng EVN quốc tế I	418.062.946	268.806.184
Công ty TNHH BTDS & Cơ khí Bình Dương	3.415.909.566	6.000.712.266
CTCP ống sợi thủy tinh Nghi Sơn	1.561.050.947	1.561.050.947
CTCP Đầu tư Khánh Hưng	1.054.527.862	1.338.049.898
Công ty TNHH Minh Bảo Quảng Ninh	698.819.928	1.198.819.928
CTCP xây lắp và dịch vụ Sông Đà	-	1.138.959.071
Phải trả dài hạn nhà cung cấp khác	2.573.297.757	5.434.154.218
Cộng	<u>11.158.695.249</u>	<u>18.907.698.712</u>

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>7.130.723.327</i>	<i>7.130.723.327</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	7.130.723.327	7.130.723.327
Tổng Công ty Sông Đà	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>57.484.593.331</i>	<i>53.447.243.033</i>
BQL Dự án các công trình điện Miền Nam	554.925.666	11.070.999.850
BQL Dự án các công trình điện Miền Bắc	15.849.000.391	19.693.703.070
BQL Dự án các công trình điện Miền Trung	3.826.972.617	9.426.399.718
BQL Đầu tư phát triển các cụm, điểm Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	-	4.000.000.000
Các khách hàng khác	37.253.694.657	9.256.140.395
Cộng	<u>64.615.316.658</u>	<u>60.577.966.360</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.339.217.896	7.536.163.877	12.544.781.172	1.330.600.601
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-			0
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-			0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.408.486.252	0	14.408.486.252	0

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	229.581.707	1.123.211.354	1.123.263.844	229.529.217
Thuế tài nguyên	78.137.551	898.517.340	757.415.015	219.239.876
Thuế bảo vệ môi trường	199.231.960			0
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	0
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.410.935.285	1.335.570.386	3.194.826.736	3.750.910.895
Cộng	26.665.590.651	10.901.462.957	32.036.773.019	5.530.280.589

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế 6 tháng đầu năm 2016</u>			<u>Lũy kế 6 tháng đầu năm 2015</u>
	<u>Các hoạt động khác</u>	<u>Thủy điện Thác Trắng</u>	<u>Tổng cộng</u>	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.971.182.824	11.731.242.816	14.702.425.640	32.473.768.047
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(16.602.494.640)	-	(16.602.494.640)	(14.097.655.388)
- Các khoản điều chỉnh tăng				
<i>Tiền phạt thuế, BHXH</i>	26.028.249		26.028.249	153.977.653
<i>Thù lao HĐQT</i>	48.000.000		48.000.000	48.000.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>			-	
<i>Chi phí khấu hao không được duyệt</i>	37.560.755			37.560.755

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2016			Lũy kế 6 tháng đầu năm 2015
	Các hoạt động khác	Thủy điện Thác Tráng	Tổng cộng	
Xử lý công nợ	68.046.534		68.046.534	
Thuế GTGT không được khấu trừ				114.582.909
Xử lý vật tư mất	103.744.955		103.744.955	
Tồn thất dự án đầu tư				
- Các khoản điều chỉnh giảm				
Cổ tức được chia	(16.886.679.000)		(16.886.679.000)	(14.451.776.705)
Thu nhập chịu thuế	(13.631.311.816)	11.731.242.816	(1.900.069.000)	18.376.112.659
Thu nhập được miễn thuế				9.538.451.904
Lỗi các năm trước được chuyển				
Thu nhập tính thuế	(13.631.311.816)	11.731.242.816	(1.900.069.000)	8.837.660.755
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	(2.726.262.363)	2.346.248.563	(380.013.800)	1.944.285.366
Thuế TNDN được giảm		(1.173.124.282)	(1.173.124.282)	
Thuế TNDN phải nộp	(2.726.262.363)	1.173.124.282	(1.553.138.082)	1.944.285.366
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước				
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	(2.726.262.363)	1.173.124.282	(1.553.138.082)	1.944.285.366

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 7% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	4.545.454
Tổng Công ty Sông Đà - Chi phí thuê nhà	-	4.545.454
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	57.616.195.370	11.071.877.037
Trích trước chi phí các công trình	57.113.329.148	10.731.379.335
Phí bảo lãnh các công trình	502.866.222-	-
Phải trả tiền thuê máy móc phải trả	-	216.271.500
Chi phí lãi vay phải trả	-	124.226.202
Cộng	<u>57.616.195.370</u>	<u>11.076.422.491</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là phí ủy thác góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7.

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.402.257.832	2.254.000.000
Tổng Công ty Sông Đà - tiền Jurong Engineering Limited trả	-	2.254.000.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long - tiền vật tư	1.402.257.832	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	29.025.112.976	51.625.166.110
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.185.470.876	472.913.689
Kinh phí công đoàn	719.989.057	889.149.946
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	211.794.000	211.794.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	562.632.923	261.190.573
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	2.061.056.147	12.149.127.025
Phải trả các đội tiền khoán công trình	17.385.600.744	31.091.381.386
Lương của CBCNV	-	-
Phải trả khác	4.876.069.229	4.527.109.491
Cộng	<u>30.427.370.808</u>	<u>53.879.166.110</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	500.000.000	500.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>500.000.000</u>

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính**19a. Vay ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		4.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông ⁽ⁱ⁾		4.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	52.303.197.166	84.785.167.694
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾	50.503.197.166	76.758.620.788
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	35.281.416.577	28.889.647.810
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	8.989.239.549	12.611.757.996
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ	6.232.541.040	35.257.214.982
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	1.800.000.000	8.026.546.906
Cộng	52.303.197.166	88.785.167.694

(i) Vay Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông để bổ sung vốn lưu động với lãi suất căn cứ theo lãi suất Công ty Cổ phần Sông Đà 11 vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, thời hạn vay 12 tháng.

(ii) Các khoản vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.758.620.788	61.503.197.166		(87.758.620.788)	50.503.197.166
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.000.000.000			(4.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	8.026.546.906		-	(6.226.546.906)	1.800.000.000
Cộng	88.785.167.694	61.503.197.166	-	(97.985.167.694)	52.303.197.166

19b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.262.744.784	9.262.744.784
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
+ Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱ⁾	5.342.882.087	5.342.882.087
+ Chi nhánh Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	3.919.862.697	3.919.862.697
+ Chi nhánh Điện Biên ⁽ⁱⁱⁱ⁾		
Cộng	9.262.744.784	9.262.744.784

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên theo hai Hợp đồng tín dụng dài hạn là: Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng và hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐTD, vay để thực hiện đầu tư cho dự án nhà máy Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.800.000.000	8.026.546.906
Trên 1 năm đến 5 năm	9.262.744.784	9.262.744.784
Trên 5 năm		
Cộng	<u>11.062.744.784</u>	<u>17.289.291.690</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.262.744.784	10.470.287.256
Số tiền vay phát sinh	-	6.789.004.434
Số tiền vay đã trả	-	(170.000.000)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	-	(7.826.546.906)
Số cuối năm	<u>9.262.744.784</u>	<u>9.262.744.784</u>

20. Dự phòng phải trả

20a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	11.951.469.996
Giảm do hoàn nhập	(4.583.919.607)
Số cuối năm	<u>7.367.550.389</u>

20b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	30.367.610.176
Tăng do trích lập	10.239.672.904
Số cuối năm	<u>40.607.283.080</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	211.930.505	857.266.612	(379.600.000)	689.597.117
Quỹ phúc lợi	679.017.525	857.266.612	(277.800.000)	1.258.484.137
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
Cộng	890.948.030	1.714.533.224	(657.400.000)	1.948.081.254

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	-	55.674.562.431	36.436.160.964	242.008.301.018
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	85.726.661.247	85.726.661.247
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	11.572.504.525	(13.329.950.964)	(1.757.446.439)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	0	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	34.366.527.623	-	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	-	67.247.066.956	85.726.661.247	302.871.305.826
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	14.702.425.640	14.702.425.640
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	60.405.918.023	(62.620.451.247)	(2.214.533.224)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(23.106.210.000)	(23.106.210.000)
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	34.366.527.623	-	127.652.984.979	14.702.425.640	292.252.988.242

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	34.366.527.623	34.366.527.623
Cộng	149.897.577.623	149.897.577.623

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 06 tháng 6 năm 2015 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 11.553.105.000
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	:
	:

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	17.458.918.245	14.874.454.815
Doanh thu hợp đồng xây dựng	451.804.349.588	387.586.435.366
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	9.021.445.281	29.261.993.712
Cộng	<u>478.284.713.114</u>	<u>431.722.883.893</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con :

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Giá vốn bán điện thương phẩm	4.420.205.235	3.657.741.049
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	436.645.663.870	352.072.092.648
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	11.575.445.504	32.874.616.729

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
	<u>452.641.314.609</u>	<u>388.604.450.426</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.593.675.413	149.288.764
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.886.679.000	14.451.776.705
Lãi cho vay	218.259.371	178.284.963
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.983.731	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	
Phí bảo lãnh	582.744.201	231.736.035
Cộng	<u>19.286.341.716</u>	<u>15.011.086.467</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Chi phí lãi vay	2.583.852.854	2.644.545.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Phí cam kết tín dụng	40.570.433	9.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(10.000.000)	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	6.422.036.244	11.002.221.585
Phí bảo lãnh, phụ phí	3.785.154.152	1.623.821.620
Cộng	<u>12.821.613.683</u>	<u>15.279.588.300</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	12.013.878.045	13.061.666.864
Chi phí vật liệu quản lý	903.724.289	980.381.348
Chi phí đồ dùng văn phòng	89.122.274	183.958.895
Chi phí khấu hao TSCĐ	961.004.833	947.305.296
Thuế, phí và lệ phí	342.135.700	214.131.435
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.722.892.806)	-10.042.938.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.387.254.762	1.714.201.729
Chi phí bằng tiền khác	3.685.680.127	3.297.597.936
Cộng	<u>18.659.907.224</u>	<u>10.356.304.549</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	605.727.272	
Xử lý công nợ		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Thu nhập khác	1.362.989.183	5.980.245
Bán hồ sơ thầu		
Bán xăng dầu, vật tư, công cụ	20.000.000	558.265.973
Cho thuê cáp	113.050.000	
Cấp điện		327.628.952
Cộng	<u>2.101.766.455</u>	<u>891.875.170</u>
8. Chi phí khác		
	<u>30/06/2016</u>	<u>30/06/2015</u>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	334.338.617	-
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	26.028.249	153.977.653
Xử lý công nợ		
Thuế GTGT không được khấu trừ		114.582.909
Xử lý vật tư mất		
Bán xăng dầu, vật tư, công cụ		559.659.381
Phạt chậm tiến độ theo hợp đồng		21.784.300
Chi phí khác	487.193.263	61.729.965
Cộng	<u>847.560.129</u>	<u>911.734.208</u>
9. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty con
Công ty cổ phần thủy điện Đăk Đoa	Công ty con
Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.16, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực khác: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
6 tháng đầu năm 2016			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	451.804.349.588	26.480.363.526	478.284.713.114
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>451.804.349.588</u>	<u>26.480.363.526</u>	<u>478.284.713.114</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>15.158.685.718</u>	<u>10.484.712.787</u>	25.643.398.505
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			<u>(18.659.907.224)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.983.491.281
Doanh thu hoạt động tài chính			19.286.341.716

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
Chi phí tài chính			(12.821.613.683)
Thu nhập khác			2.101.766.455
Chi phí khác			(847.560.129)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>14.702.425.640</u>
6 tháng đầu năm 2015			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	387.586.435.366	44.136.448.527	431.722.883.893
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>387.586.435.366</u>	<u>44.136.448.527</u>	<u>431.722.883.893</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>35.514.342.718</u>	<u>7.604.090.749</u>	43.118.433.467
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-10.356.304.549
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			32.762.128.918
Doanh thu hoạt động tài chính			15.011.086.467
Chi phí tài chính			-15.279.588.300
Thu nhập khác			891.875.170
Chi phí khác			-911.734.208
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-1.944.285.366
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<u>30.529.482.681</u>
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>509.582.050.510</u>	<u>51.892.157.030</u>	561.474.207.540
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			243.213.535.983
Tổng tài sản			<u>804.687.743.523</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>382.739.922.517</u>	<u>41.139.584.780</u>	423.879.507.297
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			88.555.247.984
Tổng nợ phải trả			<u>512.434.755.281</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>355.933.100.158</u>	<u>26.282.077.556</u>	382.215.177.714
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			236.818.607.542
Tổng tài sản			<u>619.033.785.256</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>192.404.743.316</u>	<u>48.358.582.433</u>	240.763.325.749

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Ngoài xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			136.262.158.489
Tổng nợ phải trả			377.025.484.238

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

- (i) Phải thu ngắn hạn khác, tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản ngắn hạn khác:
Trình bày lại số dư tạm ứng và Tài sản thiếu chờ xử lý đang phản ánh ở chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác” sang các chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” và “tài sản thiếu chờ xử lý”
- (ii) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính
Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.
- (iii) Thu nhập khác và Chi phí khác
Lỗi hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là chênh lệch nhỏ hơn giữa thu từ thanh lý, nhượng bán với giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán và chi phí thanh lý được trình bày thuần ở chỉ tiêu “Chi phí khác”.

4. Thay đổi ước tính kế toán

Năm 2016, Công ty thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng (xem thuyết minh số IV.12). Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc trích lập dự phòng này phản ánh hợp lý hơn chi phí bảo hành sẽ phát sinh.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách tìm hiểu kỹ thông tin về tình hình tài chính trước khi giao dịch với khách hàng. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty chỉ cho công ty con vay tiền. Công ty này hoạt động có hiệu quả và Công ty kiểm soát được khả năng thanh toán. Vì vậy, rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.837.696.950			14.837.696.950
Chứng khoán kinh doanh	6.727.266.000	7.749.000.000		14.476.266.000
Phải thu khách hàng	192.542.868.116		30.992.260.735	223.535.128.851
Các khoản cho vay	11.000.000.000			11.000.000.000
Các khoản phải thu khác	18.521.215.388			18.521.215.388
Cộng	<u>243.629.046.454</u>	<u>7.749.000.000</u>	<u>30.992.260.735</u>	<u>282.370.307.189</u>
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.370.856.667			47.370.856.667
Chứng khoán kinh doanh	5.952.000.000	11.797.000.000		17.749.000.000
Phải thu khách hàng	196.431.945.165		54.641.413.762	251.073.358.927
Các khoản phải thu khác	12.076.702.138			12.076.702.138
Cộng	<u>261.831.503.970</u>	<u>11.797.000.000</u>	<u>54.641.413.762</u>	<u>328.269.917.732</u>

5b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	52.303.197.166	9.262.744.784	-	61.565.941.950
Phải trả người bán	208.428.424.022	14.115.116.970	-	222.543.540.992
Các khoản phải trả khác	73.597.492.885	-	-	73.597.492.885
Cộng	334.329.114.073	23.377.861.754	-	357.706.975.827
Số đầu năm				
Vay và nợ	73.364.706.590	10.470.287.256	-	83.834.993.846
Phải trả người bán	104.197.537.682	15.262.580.255	-	119.460.117.937
Các khoản phải trả khác	17.722.729.910	-	-	17.722.729.910
Cộng	195.284.974.182	25.732.867.511	-	221.017.841.693

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	80.000.000.000
Các khoản cho vay	11.000.000.000	14.012.000.000
Vay và nợ	(61.565.941.950)	(98.047.912.478)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(50.565.941.950)	(4.035.912.478)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

5d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.837.696.950		170.531.208.177	
Chứng khoán kinh doanh	14.476.266.000	(1.885.001.635)	17.749.000.000	(6.231.091.635)
Phải thu khách hàng	376.844.202.695	(22.767.731.176)	223.535.128.851	(24.490.623.982)
Các khoản cho vay	11.000.000.000		14.012.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

6 tháng đầu năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản phải thu khác	18.521.215.388		4.805.927.196	
Cộng	435.679.381.033	(24.652.732.811)	430.633.264.224	(30.721.715.617)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	61.565.941.950	98.047.912.478
Vay và nợ	222.543.540.992	132.766.166.832
Các khoản phải trả khác	73.597.492.885	41.931.050.571
Cộng	357.706.975.827	272.745.129.881

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn